

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 244 /2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v “Tranh chấp lỗi đi qua”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Nguyễn Tấn Đạt**

**2/ Bà Lê Thị Ngọc Thúy**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp lỗi đi qua”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

**2. Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hưu T, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét

xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2014 bà Nguyễn Thị C (Mẹ của bà M) được cấp quyền sử dụng thửa đất số 290, diện tích 1458,1m<sup>2</sup>, nằm phía trong đất ông H. Năm 2019 bà M được bà C tặng cho thửa đất 290. Nguồn gốc đất lối đi là của bà C sử dụng từ năm 1968, là một bờ đất ngang 02m, dài 50m, làm lối đi ra đường nhựa 873B. Đầu năm 2021 gia đình ông H đóng cọc chặn ngang lối đi, không cho gia đình bà M lưu thông trên lối đi, ảnh hưởng sinh hoạt của gia đình bà M, nên bà M khởi kiện ông H tranh chấp lối đi. Do ông H đã tặng cho con ông H là chị Nguyễn Thanh N phần đất có lối đi, nên ngày 14 tháng 3 năm 2022 bà M kiện bổ sung yêu cầu chị N phải cho hộ bà M sử dụng lối đi chiều ngang 02m, dài 50m. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và đo đất lối đi, bà M mới biết trong diện tích lối đi có 20,3m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thanh N. Tại phiên tòa bà Myêu cầu Tòa án xem xét buộc ông H không được cản trở hộ bà M sử dụng lối đi trên diện tích 79,8m<sup>2</sup> theo bản vẽ đo. Bà M xin rút phần yêu cầu về lối đi trên diện tích 20,3 m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng của chị N.

\* Trong bản tự khai ngày 27 tháng 4 năm 2021, đại diện ủy quyền của bị đơn, Ông Hưu T trình bày: Hộ ông Nguyễn Văn H được cấp quyền sử dụng thửa đất số 1161, diện tích 3844m<sup>2</sup>. Trước đây ông H có thỏa thuận miệng hoán đổi đất với bà C và ông Xa (Con bà C) như sau: Hộ ông H được sử dụng mương nước và bờ cặp cỏ trên đất của bà C chiều ngang khoảng 01m, hộ bà C được sử dụng lối đi trên đất của ông H chiều ngang 1,5m. Sau khi bà M được bà C tặng cho đất, bà M không cho hộ ông H sử dụng mương nước. Tháng 02/2021 bà M thuê xe đổ đất trên lối đi nhưng không trao đổi với ông H, nên anh T có đóng cọc ngăn không cho bà M san lấp đất và yêu cầu bà M phải dỡ bỏ phần đất san lấp, nhưng bà M không thực hiện, nên xảy ra tranh chấp. Ông H yêu cầu Tòa án xác định lối đi hiện nay là lối đi chung hay lối đi riêng của hộ ông H đã tách ra từ năm 1999. Ông H đã cho mở lối đi lối đi từ đất bà M đến đường nhựa 873B, nên ông H không đồng ý cho bà M mở thêm lối đi trên đất ông H.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thanh N vắng mặt không có lời trình bày.

\* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Bà M được tiếp tục sử dụng lối đi hiện hữu phù hợp, thuận tiện cho mục đích sử dụng đất của gia đình, có chiều ngang 1,86m, dài 50,9m (phần này là đất công không

thuộc quyền quản lý của chị N). Buộc ông H và các thành viên trong hộ không được cản trở việc đi lại của gia đình bà M trên lối đi này. Đình chỉ việc bà M yêu cầu chị Nguyễn Thanh N chuyển nhượng quyền sử dụng đất để mở rộng lối đi diện tích 20,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 516.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T, chị N được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Xét yêu cầu của bà M, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về quyền đối với bất động sản liền kề và lối đi qua theo quy định Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ lối đi tranh chấp có hiện trạng là bờ đất, vị trí: Đông giáp đất Nguyễn Thanh N, Tây giáp đường đất, Nam giáp đất Nguyễn Thị M, Bắc giáp đường tỉnh 873B, diện tích 79,8m<sup>2</sup> và 20,3m<sup>2</sup>. Trong đó phần diện tích 20,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 516 của chị Nguyễn Thanh N. Như vậy có cơ sở xác định phần đất lối đi bà M đang yêu cầu xem xét giải quyết có 79,8m<sup>2</sup> là lối đi chung, 20,3m<sup>2</sup> hiện trạng là lối đi trên đất hộ ông H đã chuyển quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị Thanh N thửa đất số 516, tờ bản đồ số 22.

Bà M cung cấp chứng cứ (BL27): Xác nhận của địa phương về việc gia đình bà M đã sử dụng lối đi từ năm 1968 cho đến nay, không có lối đi khác, phù hợp quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng lối đi của hộ bà M. Tại thời điểm tranh chấp, phần diện tích lối đi 79,8m<sup>2</sup> không thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông H, chị N, nhưng là bất động sản liền kề thửa đất của bà M, nên theo địa thế tự nhiên có căn cứ xác lập quyền sử dụng lối đi của bà M trên diện tích 79,8m<sup>2</sup> mà không phải đền bù cho ông H, chị N. Do đó, ông H không có quyền cản trở việc sử dụng lối đi của hộ bà M trên diện tích 79,8m<sup>2</sup>, nên theo quy định Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M.

[3] Tại phiên tòa bà M xin rút phần yêu cầu về lối đi trên diện tích 20,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 516 của chị Nguyễn Thanh N, phù hợp khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của bà M.

[4] Anh T đại diện ủy quyền của ông H trình bày có tranh chấp với bà M về sử dụng nương nước. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông H không có đơn phản tố và nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà M được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi, được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được tiếp tục sử dụng lối đi có diện tích 79,8m<sup>2</sup>. Buộc ông Nguyễn Văn H không được cản trở hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng lối đi có diện tích 79,8m<sup>2</sup>, vị trí: Đông giáp đất Nguyễn Thanh N, Tây giáp đường đất, Nam giáp đất Nguyễn Thị Mỹ, Bắc giáp đường tỉnh 873B (Kèm theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về lối đi trên diện tích 20,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 516, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08760 cấp cho bà Nguyễn Thanh N, tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thi M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.  
Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Dũng**





